

Số: 05 /2025/QĐST- DS.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 158; Điều 219; Điều 221; Điều 234; Điều 235; Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 134; Điều 135; Điều 136; Điều 137 Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án “Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế” thụ lý số: 325/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Văn Phú T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

** Bị đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1949.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Văn Thị D, sinh năm 1970.

2. Bà Văn Thị K, sinh năm 1974.

3. Ông Văn Phú T1, sinh năm 1968.

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

4. Ông Văn Phú K1, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

5/ UBND xã N, tỉnh Bắc Ninh do ông Mai Văn D1 – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã N là đại diện theo ủy quyền.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho ông Văn Phú T được sở hữu và sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 48, diện tích 2098 m² trong GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00741/QSDĐ, Quyết định số 485/QĐ-UB cấp ngày 08/10/2001 mang tên hộ ông Văn Phú T2. (Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã N, Bắc Ninh). Phần đất ông Văn Phú T được giao có các góc cạnh cụ thể như sau (4,09 + 23,33 + 10,64 + 8,54 + 16,82 + 14,82 + 52,84 + 8,28 + 10,91 + 37,32 + 4,31). Trong đó có:

+ 400 m² đất ở x 650.000 đồng/01 m² = 260.000.000 đồng .

+ 1.693,8 m² đất vườn x 110.000 đồng/01 m² = 186.318.000 đồng.

- Ông Văn Phú T được sở hữu và sử dụng tài sản trên diện tích 2.093,8m² gồm:

+ 10 cây vải có đường kính gốc 35 - 40cm x 3.610.000 đồng/01 cây = 36.100.000 đồng.

+ 18 cây vải mới trồng có đường kính gốc nhỏ hơn 3cm có giá 90.000 đồng/01 cây = 1.620.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 484.038.000 đồng.

2.2. Anh Văn P T trích trả cho bà Ngô Thị H số tiền: 200.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán ngày: 17/01/2026 (Dương lịch).

Tổng số tiền anh Văn Phú T được thực hưởng: 284.038.000 đồng.

Tổng số tiền bà Ngô Thị H được thực hưởng: 200.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Văn Phú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 284.038.000 đồng x 2,5% = 7.100.950 đồng. Xác nhận anh Văn Phú T đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0004370 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5, Bắc Ninh. Trả lại cho ông Văn Phú T số tiền 2.899.050 đồng.

- Bà Ngô Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá là 4.5000.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Anh Văn Phú T nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản. Anh Văn Phú T đã nộp đủ.

Cơ quan có thẩm quyền căn cứ quyết định này của Tòa án thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00741/QSDĐ,

Quyết định số 485/QĐ-UB cấp ngày 08/10/2001 mang tên hộ ông Văn Phú T2 để cấp GCNQSD đất mới cho anh Văn Phú T.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Có sơ đồ thừa đất kèm theo Quyết định)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 5- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hiếu